



Thực phẩm dinh dưỡng y học

FRESUBIN® HEPA DRINK CAPPUCCINO

Dinh dưỡng chuyên biệt cho bệnh nhân gan

Bổ sung dinh dưỡng đầy đủ qua đường uống, năng lượng cao 1.3kcal/ml để kiểm soát chế độ ăn của bệnh nhân suy dinh dưỡng hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng, đặc biệt bệnh nhân bị suy gan cấp hoặc mạn tính.

Giàu đạm phân nhánh BCAA (44%)* giúp cải thiện dinh dưỡng và hạn chế tình trạng não gan

Giàu chất béo MCT(36%)* giúp dễ hấp thu

Có bổ sung chất xơ hỗ trợ cho sức khỏe đường ruột

Lượng dịch và Natri thấp giúp hạn chế tình trạng cổ trướng và phù nề

Số giấy tiếp nhận đăng kí bản công bố sản phẩm: 01/2021/ĐKSP, cấp ngày 01/11/2021
Số giấy xác nhận nội dung quảng cáo: 09/2021/XNQC-ATTPBB, cấp ngày 09/02/2022
Ngày in tài liệu: 28/02/2022
Thông tin chi tiết sản phẩm xem ở trang 2.
Sản phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh

* BCAA chiếm 44% lượng đạm
* MCT chiếm 36% chất béo



FRESUBIN® HEPA DRINK CAPPUCINO

Thông tin dinh dưỡng

Hàm lượng trung bình

	Mỗi 100ml	Mỗi chai 200ml	
Giá trị năng lượng	550 (130)	1100 (260)	KJ (kcal)
Chất béo	4.7	9.4	g
Acid béo bão hoà	2.0	4.0	g
trong đó chất béo trung tính chuỗi trung bình (MCT)	1.7	3.4	g
Acid béo không bão hoà đơn	1.4	2.8	g
Acid béo không bão hoà đa	1.3	2.6	g
Carbohydrat	17.4	34.8	g
Đường	0.7	1.4	g
Lactose	≤0.01	≤0.02	g
Chất xơ	1.0	2.0	g
Protein	4.0	8.0	g
trong đó axit amin phân nhánh 44 %	1.93	3.86	g
Muối	0.19	0.38	g
Nước	78	156	ml
Áp suất thẩm thấu	360		mosmol/l
Khoáng chất và các nguyên tố vi lượng			
Natri (Na)	75	150	mg
Clorid (Cl)	71.5	143	mg
Kali (K)	120	240	mg
Canxi (Ca)	80	160	mg
Phốt pho (P)	53	106	mg
Magie (Mg)	27	54	mg
Sắt (Fe)	1.33	2.66	mg
Kẽm (Zn)	1.2	2.4	mg
Đồng (Cu)	130	260	µg
Iốt (I)	13.3	26.6	µg
Selen	6.67	13.34	µg
Mangan (Mn)	0.27	0.54	mg
Crôm	6.67	13.34	µg
Molybden	10	20	µg
Florid (F)	0.13	0.26	mg
Vitamin và các chất khác			
Vitamin A	92	184	µg RE°
β-Carotene	22	44	µg RE°
Vitamin D ₃	1.0	2.0	µg
Vitamin E	1.33	2.66	mg α-TE°°
Vitamin K ₁	6.67	13.34	µg
Vitamin C	6.67	13.34	mg
Vitamin B ₁	0.13	0.26	mg
Vitamin B ₂	0.17	0.34	mg
Vitamin B ₆	0.16	0.32	mg
Niacin	1.6/2.3	3.2/4.6	mg/mg NE°°°
Folic Acid	27	54	µg
Vitamin B ₁₂	0.27	0.54	µg
Pantothenic Acid	0.47	0.94	mg
Biotin	5.0	10.0	µg
Choline*	28	56	mg

Phân bố năng lượng (energy%)

Đạm: 12% - Chất béo: 33% - Tinh bột: 53,5% - Chất xơ: 1,5%

* Retinol tương đương (RE), °° alpha-tocopherol Tương đương (α-TE),

°°°niacin tương đương (NE)

Thông tin mô tả

1. Công dụng: Thực phẩm dinh dưỡng y học dùng cho mục đích y tế đặc biệt, bổ sung dinh dưỡng đầy đủ, năng lượng cao (1,3 kcal/ml), dùng đường uống, có chứa chất xơ, tăng cường acid amin phân nhánh (BCAA chiếm 44% lượng đạm), giàu chất béo triglycerid mạch trung bình (MCT chiếm 36% chất béo). Không chứa gluten và gần như không chứa lactose, có chất làm ngọt.

2. Đối tượng sử dụng

Dùng để kiểm soát chế độ ăn của bệnh nhân suy dinh dưỡng hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng, đặc biệt bệnh nhân bị suy gan cấp hoặc mạn tính.

Fresubin Hepa Drink Cappuccino chứa ít natri, không chứa gluten và gần như không chứa lactose, purin và cholesterol. Do đó, Fresubin Hepa Drink Cappuccino có thể sử dụng ở những bệnh nhân có nhu cầu ăn kiêng đặc biệt đối với các chất dinh dưỡng này.

Dùng cho bệnh nhân bị hạn chế, suy giảm hoặc rối loạn khả năng hấp thụ, tiêu hóa, chuyển hóa, bài tiết các thực phẩm thông thường hoặc các chất dinh dưỡng và các chất chuyển hóa của chúng hoặc có các yêu cầu dinh dưỡng khác do bệnh lý.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Liều dùng: được xác định bởi nhân viên y tế tùy thuộc nhu cầu của bệnh nhân.

+ Bổ sung dinh dưỡng: 2-3 chai (520-780 kcal)/ngày

+ Dùng thay thế hoàn toàn bữa ăn: 7-8 chai (1820- 2080 kcal)/ngày.

- Cách dùng: Dùng đường uống. Lắc kỹ trước khi dùng. Uống chậm. Nên sử dụng trong bữa ăn để tránh mất cảm giác đói và ngon miệng và để duy trì sự hấp thu thức ăn bình thường và hoàn toàn.

Bảo quản:

Ở nhiệt độ phòng (15-25°C). Sau khi mở nắp, bảo quản trong tủ lạnh trong vòng 24 giờ.

Khuyến cáo

+ Không thích hợp trong các trường hợp không sử dụng được sản phẩm dinh dưỡng đường uống.

+ Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.

+ Thích hợp là nguồn dinh dưỡng chủ yếu.

+ Không dùng cho trẻ dưới 3 tuổi. Sử dụng thận trọng cho trẻ dưới 6 tuổi.

+ Chỉ dùng đường uống, không được tiêm truyền.

+ Không dùng cho bệnh nhân mắc galactosaemia.

+ Đảm bảo cung cấp đủ dịch, theo dõi cân bằng dịch.

+ Có thể xuất hiện kết tủa trong đường tiêu hóa, ví dụ do tương tác thuốc. Cần theo dõi cẩn thận.

4. Quy cách đóng gói

Chai nhựa 200ml (thể tích thực 200ml)

5. NSX: 15 tháng trước thời hạn sử dụng

6. Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Deutschland GmbH

Địa chỉ: 61346 Bad Homburg, Đức

7. Thành phần

Nước, maltodextrin, dầu thực vật (dầu hạt cải, dầu đậu nành), chất béo triglycerid mạch trung bình (MCT), protein đậu nành, polysaccharit đậu nành, protein sữa, L-leucin, hương liệu giống tự nhiên (hương cà phê, chocolate và kem sữa với maltodextrin từ lúa mì), L-valin, L-arginin hydroclorid, kali citrat, L-isoleucin, canxi phosphat, natri citrat, magiê citrat, chất làm ngọt nhân tạo (natri cyclamat, natri saccharin), cholin clorid, vitamin C, chất điều chỉnh độ acid (E 330), magiê oxid, canxi carbonat, sắt sulfat, chất làm dày (E 407), kẽm sulfat, niacin, vitamin E, mangan clorid, acid pantothenic, natri florid, vitamin B₂, vitamin B₆, đồng sulfat, vitamin B₁, vitamin A, beta-caroten, acid folic, crôm clorid, natri molybdat, kali iodid, natri selenit, biotin, vitamin K₁, vitamin D₃, vitamin B₁₂.

8. Tài liệu tham khảo

Giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm của Chi cục ATVSTP